|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | UBND HUYỆN THANH OAI  **TRƯỜNG TIỂU HỌC BÍCH HÒA**  Số: 128/KH-THBH | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Bích Hòa, ngày 06 tháng 9 năm 2024* | | **`** |

**KẾ HOẠCH**

**Giáo dục nhà trường năm học 2024-2025**

**I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

- Căn cứ [Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT](https://hoatieu.vn/thong-tu-28-2020-tt-bgddt-dieu-le-truong-tieu-hoc-203500) ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường tiểu học;

- Căn cứ Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông 2018;

- Căn cứ Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp Tiểu học;

- Căn cứ Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018từ năm học 2020 - 2021;

- Căn cứ Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học;

- Căn cứ Công văn số 1855/SGDĐT-GDPT ngày 15/6/2020 của Sở GDĐT Hà Nội về Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học;

- Căn cứ Công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong giáo dục Tiểu học;

- Căn cứ Công văn số 3999/BGDĐT-GDTH ngày 30/7/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục kĩ năng công dân số ở cấp tiểu học.

- Căn cứ Công văn số 3060/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục địa phương cấp tiểu học.

- Căn cứ Thông tư 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;

- Căn cứ Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội về Quy định danh mục các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (không báo gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) của thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Công văn số 2367/UBND-KGVX ngày 19/7/2024 của UBND thành phố Hà Nội V/v triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND Thành phố;

- Căn cứ Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường tiểu học, trường THCS và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Căn cứ Công văn 3898/BGDĐT-GDTH ngày 30/7/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục Tiểu học năm học 2024-2025;

- Căn cứ Quyết định số 4354/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Kế hoạch số 560/GDĐT-GDTH ngày 06/9/2024 của Phòng GDĐT huyện Thanh Oai về Kế hoạch triển khai nhiệm năm học 2024-2025 cấp tiểu học;

Căn cứ tình hình thực tế, trường Tiểu học Bích Hòa xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024-2025 như sau:

# II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN

**1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hoá, xã hội địa phương**

Trường Tiểu học Bích Hòanằm trên địa bàn xã Bích Hòa, huyện Thanh Oai, Hà Nội. Trong những năm qua, kinh tế phường đang trên đà phát triển, tăng trưởng ổn định. Phường duy trì nhiều mô hình xây dựng cảnh quan đường phố “xanh - sạch - đẹp”, những ngõ phố cây xanh tạo không gian thân thiện, gần gũi. Nhiều năm qua, xã Bích Hòa duy trì tốt trật tự an ninh, an toàn xã hội. Công tác khuyến học luôn được các cấp lãnh đạo quan tâm, tạo điều kiện;

Xã Bích Hòa là một trong những xã trẻ đang trong quá trình phát triển mạnh mẽ của huyện. Trong những năm gần đây, Ủy ban nhân dân huyện Thanh Oai đã quan tâm đầu tư đồng bộ về cơ sở vật chất cho các nhà trường, Kế hoạch “Phát triển Giáo dục và Đào tạo huyện Thanh Oai giai đoạn 2020-2025” đã trở thành động lực thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của ngành Giáo dục và Đào tạo huyện góp phần đưa giáo dục huyện nhiều năm liền đứng tốp đầu ngành Giáo dục và Đào tạo của các quận huyện;

Những yếu tố trên vừa là những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của nhà trường, vừa là động lực, thách thức để tập thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường nỗ lực hơn nữa trên chặng đường xây dựng trường Tiểu học Bích Hòa ngày một phát triển xứng đáng với niềm tin của các cấp lãnh đạo và sự tín nhiệm của các bậc CMHS.

**2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2024-2025**

*2.1. Đặc điểm học sinh của nhà trường*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Sĩ số** | **Nam** | **Nữ** | **Đội viên** | **HS quá tuổi** | **HS dân tộc** | **con TB, LS, CS** | **HS khuyết tật** | **HS mồ côi, nghèo, HCKK** |
| Một | 181 | 92 | 89 | 0 | 5 | 0 | 0 | 3 | 3 |
| Hai | 194 | 89 | 105 | 0 | 9 | 4 | 0 | 0 | 6 |
| Ba | 184 | 102 | 82 | 0 | 13 | 4 | 0 | 2 | 5 |
| Bốn | 186 | 104 | 82 | 186 | 6 | 5 | 0 | 2 | 5 |
| Năm | 219 | 110 | 109 | 219 | 7 | 2 | 0 | 3 | 7 |
| **TỔNG** | **964** | **497** | **467** | **405** | **40** | **15** | **0** | **10** | **26** |

- Số HS tham gia ăn bán trú: 313 HS

*2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ban giám hiệu** | **Tổng** | **Biên chế** | | **Hợp đồng** | | **Trình độ chuyên môn** | | | | | **Đảng viên** | **Đoàn viên** |
| *Nam* | *Nữ* | *Nam* | *Nữ* | *Trên ĐH* | *Đại học* | *Cao đẳng* | *Trung cấp* | *Sơ cấp* |
| BGH | 2 | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 | 2 | 0 |
| GV  cơ bản | 30 | 01 | 29 | 0 | 03 | 0 | 29 | 1 | 0 | 0 | 11 | 10 |
| GV Thể dục | 2 | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Mỹ thuật | 1 | 01 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Âm nhạc | 1 | 01 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 |
| GV Ngoại ngữ | 3 | 0 | 3 | 0 | 0 | 0 | 2 | 1 | 0 | 0 | 19 | 0 |
| GV Tin học | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Giáo viên TPT | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 |
| NV Kế toán | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 |
| NV Văn thư | 1 | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 |
| NV Thư viện | 1 | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 |
| NV ĐDDH | 1 | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| NV Y tế | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| NV QTTH | 1 | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 |
| **Tổng** | 47 | 4 | 44 | 0 | 6 | 0 | 45 | 3 | 0 | 0 | 19 | 11 |

*2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học*

- Số lớp: 28/số phòng học: 28

- Số phòng chức năng và các điều kiện dạy học cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hiệu trưởng** | **P.Hiệu trưởng** | **HĐSP** | **P.nghỉ giáo viên** | **Truyền thống Đội** | **Thư**  **viện** | **Đồ**  **dùng** | **GD Nghệ thuật** | **Tư vấn**  **TLHS** | **Bộ môn** |
| 1 | 1 | 1 | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 5 |
| **Tin học** | **Bảo vệ** | **Kho** | **Bếp** | **VP** | **Đa năng** | **Sân chơi** | **Bãi tập** | **Y tế** | **Khu VS** |
| 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 | 2 | 1 | 14 |

- Các phòng học đều có đủ bàn ghế với kích thước đúng quy định, phù hợp với lứa tuổi học sinh tiểu học, có đủ bàn ghế cho giáo viên, bảng chống lóa, tủ đựng đồ dùng dạy học, hệ thống ánh sáng tự nhiên, ánh sáng nhân tạo phù hợp, đảm bảo chất lượng, sử dụng loại đèn chống cận thị. Các lớp có hệ thống quạt, điều hòa đảm bảo điều kiện học tập thuận lợi, giữ gìn sức khỏe cho học sinh. Các lớp học được sắp xếp gọn gàng, trang trí đúng quy cách, đảm bảo tính sư phạm, được vệ sinh sạch sẽ hàng ngày;

- 100% các lớp được trang bị máy tính, ti vi hoặc máy chiếu projector, kết nối internet đảm bảo cho việc khai thác và sử dụng đồ dùng dạy học có ứng dụng CNTT;

- Nhà trường quan tâm đầu tư xây dựng trường học điện tử, lớp học thông minh: Nâng cấp đường truyền internet ở các lớp học, phòng chức năng; mua và cài đặt bổ sung SGK điện tử phần mềm dạy học cho các khối lớp; mua bài giảng bồi dưỡng kĩ năng CNTT cho giáo viên;

- Các phòng chức năng được trang bị đầy đủ đồ dùng phục vụ cho các hoạt động dạy học và giáo dục của nhà trường;

- Thư viện được bổ sung sách truyện, sách tham khảo cần thiết thường xuyên cho giáo viên, học sinh;

- Nhà trường kí hợp đồng với công ty để sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng trang thiết bị thường xuyên;

- Khung cảnh lớp học, tr­ường học được chăm lo thường xuyên đảm bảo sáng, xanh, sạch, đẹp, thân thiện;

- Bếp ăn đảm bảo đúng quy định bếp một chiều, trang thiết bị đầy đủ, sạch, gọn gàng, đúng quy định.

**3. Đánh giá thuận lợi, khó khăn**

*3.1. Thuận lợi*

- Đư­ợc sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, HĐND, UBND huyện, Phòng GDĐT huyện Thanh Oai; sự quan tâm ủng hộ giúp đỡ của Đảng ủy, HĐND, UBND, các tổ chức chính trị xã hội và đoàn thể trong xã và đặc biệt của cha mẹ học sinh (CMHS);

- Nhà trường được UBND huyện quan tâm đầu tư về CSVC khang trang, sạch đẹp, trang thiết bị đồ dùng đáp ứng tốt việc tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục;

- Đội ngũ giáo viên nhiệt tình, tâm huyết với nghề, có tinh thần học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, luôn quan tâm đổi mới phương pháp dạy học;

- Trường nằm trên địa bàn thôn Giữa xã Bích Hòa với công tác khuyến học luôn chú trọng, công tác giáo dục được quan tâm, đầu tư;

- Huyện Thanh Oai nhiều năm liên tục đạt tốp đầu thành phố về giáo dục và đào tạo, phòng GDĐT huyện chỉ đạo sát sao các nhà trường, đội ngũ CBQL, GV, NV nhà trường được quan tâm bồi dưỡng chuyên môn, có nhiều cơ hội được giao lưu học hỏi kinh nghiệm trường bạn, có nhiều động lực để phát triển nhà trường.

*3.2. Khó khăn*

- Dân số cơ học trên địa bàn xã phức tạp do có các hộ gia đình từ nơi khác đến cư trú và làm ăn tại địa bàn trong xã lên công tác điều tra tuyển sinh vào lớp 1 còn gặp nhiều khó khăn;

- Học sinh đông, đường vào trường nhỏ nên hay xảy ra ùn tắc giao thông vào giờ cao điểm;

- Một số giáo viên có tuổi nên việc cập nhật CNTT còn hạn chế;

- Hiện nay, nhà trường còn thiếu 03 chỉ tiêu giáo viên cơ bản.

- Một số trang thiết bị CNTT, thiết bị vệ sinh đã hết khấu hao hoặc xuống cấp nên thường xuyên phải sửa chữa.

- Cơ sở vật chất hiện còn thiếu thốn ở các phòng bộ môn.

**III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025**

**1. Mục tiêu chung**

- Đẩy mạnh việc thực hiện đổi mới căn bản toàn diện giáo dục phổ thông theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Nhà trường tiếp tục khẳng định là niềm tin của gia đình và xã hội, tiếp tục xây dựng mô hình “Trường học an toàn, thân thiện, hấp dẫn”, tạo điều kiện cho mỗi học sinh được phát triển bình đẳng, phát huy năng lực riêng, hình thành phẩm chất theo mục tiêu giáo dục;

- Quan tâm bồi dưỡng đội ngũ, phát huy năng lực giáo viên cốt cán trong công tác tự bồi dưỡng, có kế hoạch thực hiện hiệu quả hơn nữa nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện tốt việc triển khai chương trình Giáo dục phổ thông 2018, sách giáo khoa mới đối với lớp 5.

- Quan tâm bồi dưỡng kĩ năng sống, tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp đối tượng học sinh tiểu học, thực tế nhà trường, đúng quy định.

**2. Chỉ tiêu cụ thể**

*2.1. Tập thể*

***\* Danh hiệu tập thể***

- Tập thể Lao động tiên tiến

- Trường Tiên tiến xuất sắc về TDTT

- Trường học an toàn, phòng chống TNTT

- Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ

- Công đoàn cơ sở xuất sắc

- Liên đội mạnh cấp Thành phố

- Chi đoàn xuất sắc

- Thư viện đạt tiêu chuẩn mức độ 1

- Chuyển đổi số mức độ 3

- Đạt danh hiệu “Đơn vị học tập”

***\* Danh hiệu thi đua các lớp:***

***-*** Lớp xuất sắc: 14/28 lớp

***-*** Lớp tiên tiến: 14/28 lớp

***\* Chi đội - Sao:***

- Chi đội mạnh cấp huyện: 01/12

- Chi đội mạnh cấp Liên đội: 12/12

- Sao cháu ngoan Bác Hồ cấp huyện: 10/16

- Sao cháu ngoan Bác Hồ cấp Liên đội: 16/16

*2.2. Chất lượng giáo dục*

- Chỉ tiêu phấn đấu về kết quả đánh giá các môn học, hoạt động giáo dục, đánh giá phẩm chất, năng lực*(theo Phụ lục đính kèm)*

- Huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1: 100%

- Phấn đấu phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3.

- Hoàn thành chương trình lớp học: 99,8%

- Học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học: 100%

- Giải Olympic Tiếng Anh cấp quận: 03, cấp thành phố: 01

- Giải Tin học trẻ cấp quận: 03, cấp thành phố: 01

- 90% học sinh lớp 3; 4; 5 đủ điều kiện sức khỏe hoàn thành khóa học phổ cập bơi, phòng chống đuối nước.

*2.3. Cán bộ, giáo viên, nhân viên*

- Số LĐTT : 41 đ/c đạt 85 %

- Số CSTĐ cơ sở (là quản lý): 01 đ/c đạt 50%; Cấp TP: 0

- Số CSTĐ cơ sở (là giáo viên): 05 đ/c đạt 13,1 %; Cấp TP: 0

- Số CSTĐ cơ sở (là nhân viên):0 đ/c đạt 0%; Cấp TP: 0

*2.4. Học sinh*

a. Chất lượng đại trà

**\*** Đánh giá theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT

1. **Đánh giá kết quả học tập các môn học ( theo TT27/2020/TT- BGD ĐT):**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Môn học** | **TS HS được đánh giá** | **Hoàn thành Tốt** | | **Hoàn thành** | | **Chưa hoàn thành** | |
| **Số lượng** | **Tỷ lệ** | **Số lượng** | **Tỷ lệ** | **Số lượng** | **Tỷ lệ** |
|  | **Khối 1** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Tiếng Việt | 181 | 55 | 30,3% | 121 | 66,9% | 5 | 2,8% |
| 2 | Toán | 181 | 70 | 38,6% | 106 | 58,6% | 5 | 2,8% |
| 3 | Đạo đức | 181 | 72 | 39,8% | 109 | 60,2% | 0 | 0 |
| 4 | Tự nhiên và Xã hội | 181 | 72 | 39,8% | 109 | 60,2% | 0 | 0 |
| 5 | Âm nhạc | 181 | 55 | 30,3% | 121 | 69,7% | 0 | 0 |
| 6 | Mĩ thuật | 181 | 55 | 30,3% | 121 | 69,7% | 0 | 0 |
| 7 | Giáo dục thể chất | 181 | 70 | 38,6% | 106 | 61,4% | 0 | 0 |
| 8 | Hoạt động trải nghiệm | 181 | 72 | 39,8% | 109 | 60,2% | 0 | 0 |
|  | **Khối 2** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Tiếng Việt | 194 | 62 | 32% | 131 | 67,5% | 1 | 0,5% |
| 2 | Toán | 194 | 80 | 41,2% | 113 | 58,3 | 1 | 0,5% |
| 3 | Đạo đức | 194 | 87 | 45% | 107 | 55% | 0 | 0 |
| 4 | Tự nhiên và Xã hội | 194 | 87 | 45% | 107 | 55% | 0 | 0 |
| 5 | Âm nhạc | 194 | 62 | 32% | 132 | 68% | 0 | 0 |
| 6 | Mĩ thuật | 194 | 62 | 32% | 132 | 68% | 0 | 0 |
| 7 | Giáo dục thể chất | 194 | 70 | 36% | 124 | 64% | 0 | 0 |
| 8 | Hoạt động trải nghiệm | 194 | 87 | 45% | 107 | 55% | 0 | 0 |
|  | **Khối 3** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Tiếng Việt | 184 | 61 | 33,1% | 123 | 66,9% | 0 | 0 |
| 2 | Toán | 184 | 77 | 41,2% | 107 | 58,8% | 0 | 0 |
| 3 | Đạo đức | 184 | 74 | 40% | 110 | 60% | 0 | 0 |
| 4 | Tự nhiên và Xã hội | 184 | 74 | 40% | 110 | 60% | 0 | 0 |
| 5 | Âm nhạc | 184 | 61 | 33,1% | 123 | 66,9% | 0 | 0 |
| 6 | Mĩ thuật | 184 | 64 | 35% | 120 | 65% | 0 | 0 |
| 7 | Giáo dục thể chất | 184 | 74 | 40% | 110 | 60% | 0 | 0 |
| 8 | Hoạt động trải nghiệm | 184 | 77 | 41,2% | 107 | 58,8% | 0 | 0 |
| 9 | Tin học | 184 | 74 | 40% | 110 | 60% | 0 | 0 |
| 10 | Công nghệ | 184 | 74 | 40% | 110 | 60% | 0 | 0 |
| 11 | Tiếng Anh | 184 | 61 | 33,1% | 123 | 66,9% | 0 | 0 |
|  | **Khối 4** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Tiếng Việt | 186 | 63 | 33,9% | 123 | 66,1% | 0 | 0 |
| 2 | Toán | 186 | 75 | 40,3% | 111 | 59,7% | 0 | 0 |
| 3 | Đạo đức | 186 | 75 | 40,3% | 111 | 59,7% | 0 | 0 |
| 4 | Âm nhạc | 186 | 64 | 34% | 122 | 66% | 0 | 0 |
| 5 | Mĩ thuật | 186 | 61 | 32,8% | 125 | 67,2% | 0 | 0 |
| 6 | Giáo dục thể chất | 186 | 70 | 37,6% | 116 | 62,4% | 0 | 0 |
| 7 | Hoạt động trải nghiệm | 186 | 75 | 40,3% | 111 | 59,7% | 0 | 0 |
| 8 | Khoa học | 186 | 75 | 40,3% | 111 | 59,7% | 0 | 0 |
| 9 | Sử + Địa | 186 | 75 | 40,3% | 111 | 59,7% | 0 | 0 |
| 10 | Tin học | 186 | 70 | 37,6% | 116 | 62,4% | 0 | 0 |
| 11 | Công nghệ | 186 | 75 | 40,3% | 111 | 59,7% | 0 | 0 |
| 12 | Tiếng Anh | 186 | 70 | 37,6% | 116 | 62,4% | 0 | 0 |
|  | **Khối 5** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Tiếng Việt | 219 | 79 | 36% | 140 | 64% | 0 | 0 |
| 2 | Toán | 219 | 92 | 42% | 127 | 58% | 0 | 0 |
| 3 | Đạo đức | 219 | 88 | 40% | 131 | 60% | 0 | 0 |
| 4 | Âm nhạc | 219 | 77 | 35% | 142 | 65% | 0 | 0 |
| 5 | Mĩ thuật | 219 | 79 | 36% | 140 | 64% | 0 | 0 |
| 6 | Giáo dục thể chất | 219 | 88 | 40% | 131 | 60% | 0 | 0 |
| 7 | Hoạt động trải nghiệm | 219 | 92 | 42% | 127 | 58% | 0 | 0 |
| 8 | Khoa học | 219 | 88 | 40% | 131 | 60% | 0 | 0 |
| 9 | Sử + Địa | 219 | 88 | 40% | 131 | 60% | 0 | 0 |
| 10 | Tin học | 219 | 79 | 36% | 140 | 64% | 0 | 0 |
| 11 | Công nghệ | 219 | 92 | 42% | 127 | 58% | 0 | 0 |
| 12 | Tiếng Anh | 219 | 77 | 35% | 142 | 65% | 0 | 0 |

**a. Những phẩm chất chủ yếu**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung phẩm chất** | **TS HS  được đánh giá** | **Xếp loại** | | | | | |
| **Tốt** | | **Đạt** | | **Cần cố gắng** | |
| SL | % | SL | % | SL | % |
| **Khối 1** |  |  |  |  |  |  |  |
| Yêu nước | 181 | 72 | 39,8% | 109 | 60,2% | 0 | 0 |
| Nhân ái | 181 | 72 | 39,8% | 109 | 60,2% | 0 | 0 |
| Chăm chỉ | 181 | 72 | 39,8% | 109 | 60,2% | 0 | 0 |
| Trung thực | 181 | 72 | 39,8% | 109 | 60,2% | 0 | 0 |
| Trách nhiệm | 181 | 72 | 39,8% | 109 | 60,2% | 0 | 0 |
| **Khối 2** |  |  |  |  |  |  |  |
| Yêu nước | 194 | 80 | 41,2% | 114 | 59,8 | 0 | 0 |
| Nhân ái | 194 | 80 | 41,2% | 114 | 59,8 | 0 | 0 |
| Chăm chỉ | 194 | 80 | 41,2% | 114 | 59,8 | 0 | 0 |
| Trung thực | 194 | 80 | 41,2% | 114 | 59,8 | 0 | 0 |
| Trách nhiệm | 194 | 80 | 41,2% | 114 | 59,8 | 0 | 0 |
| **Khối 3** |  |  |  |  |  |  |  |
| Yêu nước | 184 | 74 | 40% | 110 | 60% | 0 | 0 |
| Nhân ái | 184 | 74 | 40% | 110 | 60% | 0 | 0 |
| Chăm chỉ | 184 | 74 | 40% | 110 | 60% | 0 | 0 |
| Trung thực | 184 | 74 | 40% | 110 | 60% | 0 | 0 |
| Trách nhiệm | 184 | 74 | 40% | 110 | 60% | 0 | 0 |
| **Khối 4** |  |  |  |  |  |  |  |
| Yêu nước | 186 | 75 | 40,3% | 111 | 59,7% | 0 | 0 |
| Nhân ái | 186 | 75 | 40,3% | 111 | 59,7% | 0 | 0 |
| Chăm chỉ | 186 | 75 | 40,3% | 111 | 59,7% | 0 | 0 |
| Trung thực | 186 | 75 | 40,3% | 111 | 59,7% | 0 | 0 |
| Trách nhiệm | 186 | 75 | 40,3% | 111 | 59,7% | 0 | 0 |
| **Khối 5** |  |  |  |  |  |  |  |
| Yêu nước | 219 | 92 | 42% | 127 | 58% | 0 | 0 |
| Nhân ái | 219 | 92 | 42% | 127 | 58% | 0 | 0 |
| Chăm chỉ | 219 | 92 | 42% | 127 | 58% | 0 | 0 |
| Trung thực | 219 | 92 | 42% | 127 | 58% | 0 | 0 |
| Trách nhiệm | 219 | 92 | 42% | 127 | 58% | 0 | 0 |

**b. Những năng lực cốt lõi:**

**\* Những năng lực chung:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung năng lực** | **TS HS  được đánh giá** | **Xếp loại** | | | | | |
| **Tốt** | | **Đạt** | | **Cần cố gắng** | |
| SL | % | SL | % | SL | % |
| **Khối 1** |  |  |  |  |  |  |  |
| Tự chủ và tự học | 181 | 72 | 39,8% | 109 | 60,2% | 0 | 0 |
| Giao tiếp và hợp tác | 181 | 72 | 39,8% | 109 | 60,2% | 0 | 0 |
| GQVĐ và sáng tạo | 181 | 72 | 39,8% | 109 | 60,2% | 0 | 0 |
| **Khối 2** |  |  |  |  |  |  |  |
| Tự chủ và tự học | 194 | 80 | 41,2% | 114 | 59,8 | 0 | 0 |
| Giao tiếp và hợp tác | 194 | 80 | 41,2% | 114 | 59,8 | 0 | 0 |
| GQVĐ và sáng tạo | 194 | 80 | 41,2% | 114 | 59,8 | 0 | 0 |
| **Khối 3** |  |  |  |  |  |  |  |
| Tự chủ và tự học | 184 | 74 | 40% | 110 | 60% | 0 | 0 |
| Giao tiếp và hợp tác | 184 | 74 | 40% | 110 | 60% | 0 | 0 |
| GQVĐ và sáng tạo | 184 | 74 | 40% | 110 | 60% | 0 | 0 |
| **Khối 4** |  |  |  |  |  |  |  |
| Tự chủ và tự học | 186 | 75 | 40,3% | 111 | 59,7% | 0 | 0 |
| Giao tiếp và hợp tác | 186 | 75 | 40,3% | 111 | 59,7% | 0 | 0 |
| GQVĐ và sáng tạo | 186 | 75 | 40,3% | 111 | 59,7% | 0 | 0 |
| **Khối 5** |  |  |  |  |  |  |  |
| Tự chủ và tự học | 219 | 92 | 42% | 127 | 58% | 0 | 0 |
| Giao tiếp và hợp tác | 219 | 92 | 42% | 127 | 58% | 0 | 0 |
| GQVĐ và sáng tạo | 219 | 92 | 42% | 127 | 58% | 0 | 0 |

**\* Những năng lực đặc thù:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung năng lực** | **TS HS  được đánh giá** | **Xếp loại** | | | | | |
| **Tốt** | | **Đạt** | | **Cần cố gắng** | |
| SL | % | SL | % | SL | % |
| **Khối 1** |  |  |  |  |  |  |  |
| Ngôn ngữ | 181 | 73 | 40% | 108 | 60% | 0 | 0 |
| Tính toán | 181 | 73 | 40% | 108 | 60% | 0 | 0 |
| Khoa học | 181 | 73 | 40% | 108 | 60% | 0 | 0 |
| Thẩm mĩ | 181 | 73 | 40% | 108 | 60% | 0 | 0 |
| Thể chất | 181 | 73 | 40% | 108 | 60% | 0 | 0 |
| **Khối 2** |  |  |  |  |  |  |  |
| Ngôn ngữ | 194 | 80 | 41,2% | 114 | 59,8 | 0 | 0 |
| Tính toán | 194 | 80 | 41,2% | 114 | 59,8 | 0 | 0 |
| Khoa học | 194 | 80 | 41,2% | 114 | 59,8 | 0 | 0 |
| Thẩm mĩ | 194 | 80 | 41,2% | 114 | 59,8 | 0 | 0 |
| Thể chất | 194 | 80 | 41,2% | 114 | 59,8 | 0 | 0 |
| **Khối 3** |  |  |  |  |  |  |  |
| Ngôn ngữ | 184 | 74 | 40% | 110 | 60% | 0 | 0 |
| Tính toán | 184 | 74 | 40% | 110 | 60% | 0 | 0 |
| Khoa học | 184 | 74 | 40% | 110 | 60% | 0 | 0 |
| Thẩm mĩ | 184 | 74 | 40% | 110 | 60% | 0 | 0 |
| Thể chất | 184 | 74 | 40% | 110 | 60% | 0 | 0 |
| Công nghệ | 184 | 74 | 40% | 110 | 60% | 0 | 0 |
| Tin học | 184 | 74 | 40% | 110 | 60% | 0 | 0 |
| **Khối 4** |  |  |  |  |  |  |  |
| Ngôn ngữ | 186 | 75 | 40,3% | 111 | 59,7% | 0 | 0 |
| Tính toán | 186 | 75 | 40,3% | 111 | 59,7% | 0 | 0 |
| Khoa học | 186 | 75 | 40,3% | 111 | 59,7% | 0 | 0 |
| Thẩm mĩ | 186 | 75 | 40,3% | 111 | 59,7% | 0 | 0 |
| Thể chất | 186 | 75 | 40,3% | 111 | 59,7% | 0 | 0 |
| Công nghệ | 186 | 75 | 40,3% | 111 | 59,7% | 0 | 0 |
| Tin học | 186 | 75 | 40,3% | 111 | 59,7% | 0 | 0 |
| **Khối 5** |  |  |  |  |  |  |  |
| Ngôn ngữ | 219 | 92 | 42% | 127 | 58% | 0 | 0 |
| Tính toán | 219 | 92 | 42% | 127 | 58% | 0 | 0 |
| Khoa học | 219 | 92 | 42% | 127 | 58% | 0 | 0 |
| Thẩm mĩ | 219 | 92 | 42% | 127 | 58% | 0 | 0 |
| Thể chất | 219 | 92 | 42% | 127 | 58% | 0 | 0 |
| Công nghệ | 219 | 92 | 42% | 127 | 58% | 0 | 0 |
| Tin học | 219 | 92 | 42% | 127 | 58% | 0 | 0 |

***c. Các môn đánh giá bằng điểm số:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối lớp** | | **Tổng số**  **HS** | **Hoàn thành tốt** | | | | **Hoàn thành** | | | | | | | | **Chưa HT** | |
| **Điểm 10** | | **Điểm 9** | | **Điểm 8** | | **Điểm 7** | | **Điểm 6** | | **Điểm 5** | | **Điểm dưới 5** | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| **1** | Toán | 181 | 20 | 11.0 | 35 | 19.3 | 28 | 15.5 | 30 | 16.6 | 33 | 18.2 | 30 | 16.6 | 5 | 2.8 |
| Tiếng Việt | 30 | 16.6 | 40 | 22.1 | 26 | 14.4 | 24 | 13.3 | 25 | 13.8 | 31 | 17.1 | 5 | 2.8 |
| **2** | Toán | 194 | 28 | 14.4 | 34 | 18.8 | 30 | 16.6 | 32 | 17.7 | 31 | 17.1 | 38 | 21.0 | 1 | 0.6 |
| Tiếng Việt | 35 | 18.0 | 45 | 24.9 | 25 | 13.8 | 28 | 15.5 | 26 | 14.4 | 34 | 18.8 | 1 | 0.6 |
| **3** | Toán | 184 | 31 | 16.8 | 46 | 25.4 | 20 | 11.0 | 25 | 13.8 | 26 | 14.4 | 36 | 19.9 | 0 | 0 |
| Tiếng Việt | 26 | 14.4 | 35 | 19.3 | 22 | 12.2 | 24 | 13.3 | 30 | 16.6 | 47 | 26.0 | 0 | 0 |
| Tiếng Anh | 26 | 14.4 | 35 | 19.3 | 20 | 11.0 | 26 | 14.4 | 25 | 13.8 | 52 | 28.7 | 0 | 0 |
| Tin học | 35 | 19.3 | 39 | 21.5 | 22 | 12.2 | 26 | 14.4 | 27 | 14.9 | 35 | 19.3 | 0 | 0 |
| Công nghệ | 37 | 20.4 | 37 | 20.4 | 24 | 13.3 | 22 | 12.2 | 23 | 12.7 | 41 | 22.7 | 0 | 0 |
| **4** | Toán | 186 | 37 | 19.9 | 38 | 21.0 | 24 | 13.3 | 25 | 13.8 | 23 | 12.7 | 39 | 21.5 | 0 | 0.0 |
| Tiếng Việt | 30 | 16.6 | 33 | 18.2 | 26 | 14.4 | 28 | 15.5 | 22 | 12.2 | 47 | 26.0 | 0 | 0.0 |
| Khoa học | 38 | 21.0 | 37 | 20.4 | 25 | 13.8 | 25 | 13.8 | 28 | 15.5 | 33 | 18.2 | 0 | 0.0 |
| Sử + Địa | 36 | 19.9 | 39 | 21.5 | 28 | 15.5 | 27 | 14.9 | 23 | 12.7 | 33 | 18.2 | 0 | 0.0 |
| Tiếng Anh | 35 | 19.3 | 35 | 19.3 | 27 | 14.9 | 26 | 14.4 | 26 | 14.4 | 37 | 20.4 | 0 | 0.0 |
| Tin học | 38 | 21.0 | 37 | 20.4 | 25 | 13.8 | 25 | 13.8 | 28 | 15.5 | 33 | 18.2 | 0 | 0.0 |
| Công nghệ | 36 | 19.9 | 39 | 21.5 | 28 | 15.5 | 27 | 14.9 | 23 | 12.7 | 33 | 18.2 | 0 | 0.0 |
| **5** | Toán | 219 | 42 | 19.2 | 50 | 27.6 | 30 | 16.6 | 28 | 15.5 | 25 | 13.8 | 44 | 24.3 | 0 | 0.0 |
| Tiếng Việt | 37 | 20.4 | 42 | 23.2 | 32 | 17.7 | 31 | 17.1 | 30 | 16.6 | 47 | 26.0 | 0 | 0.0 |
| Khoa học | 42 | 23.2 | 46 | 25.4 | 35 | 19.3 | 33 | 18.2 | 32 | 17.7 | 31 | 17.1 | 0 | 0.0 |
| Sử + Địa | 42 | 23.2 | 46 | 25.4 | 35 | 19.3 | 33 | 18.2 | 32 | 17.7 | 31 | 17.1 | 0 | 0.0 |
| Tiếng Anh | 35 | 19.3 | 42 | 23.2 | 32 | 17.7 | 35 | 19.3 | 33 | 18.2 | 42 | 23.2 | 0 | 0.0 |
| Tin học | 37 | 20.4 | 42 | 23.2 | 35 | 19.3 | 35 | 19.3 | 33 | 18.2 | 37 | 20.4 | 0 | 0.0 |
| Công nghệ | 42 | 23.2 | 50 | 27.6 | 35 | 19.3 | 35 | 19.3 | 24 | 13.3 | 33 | 18.2 | 0 | 0.0 |
| **Tổng** | **Toán** | 964 | 158 | 16.3 | 203 | 21.1 | 132 | 13.6 | 140 | 14.5 | 138 | 14.3 | 187 | 19.4 | 6 | 10.4 |
| **Tiếng Việt** | 964 | 158 | 16.4 | 195 | 20.2 | 131 | 2.1 | 135 | 0.2 | 133 | 0.0 | 206 | 0.0 | 6 | 0.0 |
| **Khoa học** | 405 | 80 | 19.8 | 83 | 20.4 | 60 | 14.8 | 58 | 14.3 | 60 | 14.8 | 64 | 15.8 | 0 | 0 |
| **Sử + Địa** | 405 | 78 | 19.3 | 85 | 20.9 | 63 | 15.5 | 60 | 14.8 | 55 | 13.6 | 64 | 15.8 | 0 | 0 |
| **Tiếng Anh** | 589 | 96 | 16.3 | 112 | 19 | 79 | 13,4 | 87 | 14.7 | 84 | 14.2 | 131 | 22.2 | 0 | 0 |
| **Tin học** | 589 | 110 | 18.7 | 118 | 20 | 82 | 13.9 | 86 | 14.6 | 88 | 14.9 | 105 | 17.8 | 0 | 0 |
| **Công nghệ** | 589 | 115 | 19.5 | 126 | 21.4 | 87 | 14.7 | 84 | 14.7 | 70 | 11.9 | 107 | 18.1 | 0 | 0 |

***d. Các môn đánh giá bằng nhận xét:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối lớp** | **Đánh giá bằng nhận xét** | **Đạo đức** | | **Tự nhiên Xã hội** | | **Hoạt động trải nghiệm** | | **Âm nhạc** | | **Mỹ thuật** | | **GDTC** | |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| 1 | Hoàn thành tốt | 72 | *39,8* | 72 | *39,8* | 72 | 39,8 | 55 | *30,3* | 55 | *30,3* | 70 | *38,6* |
| Hoàn thành | 109 | *60,2* | 109 | *60,2* | 109 | 60,2 | 121 | *69,7* | 121 | *69,7* | 106 | *61,4* |
| Chưa hoàn thành | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Hoàn thành tốt | 87 | *45* | 87 | *45* | 72 | 39,8 | 62 | *32* | 62 | *32* | 70 | *36* |
| Hoàn thành | 107 | *55* | 107 | *55* | 109 | 60,2 | 132 | *68* | 132 | *68* | 124 | *64* |
| Chưa hoàn thành | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Hoàn thành tốt | 74 | *40* | 74 | *40* | 77 | 41,2 | 61 | *33,1* | 64 | *35* | 74 | *40* |
| Hoàn thành | 110 | *60* | 110 | *60* | 107 | 58,8 | 123 | *66,9* | 120 | *65* | 110 | *60* |
| Chưa hoàn thành | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Hoàn thành tốt | 75 | *40,3* |  |  | 75 | 40,3 | 64 | *34* | 61 | *32,8* | 70 | *37,6* |
| Hoàn thành | 111 | *59,7* |  |  | 111 | *59,7* | 122 | *66* | 125 | *67,2* | 116 | *62,4* |
| Chưa hoàn thành | 0 | 0 |  |  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Hoàn thành tốt | 88 | *40* |  |  | 92 | 42 | 77 | *35* | 79 | *36* | 88 | *40* |
| Hoàn thành | 131 | *60* |  |  | 127 | 58 | 142 | *65* | 14 | *64* | 131 | *60* |
| Chưa hoàn thành | 0 | 0 |  |  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Toàn trường** | **Hoàn thành tốt** | 396 | *41* | 233 | *44* | 388 | 40 | 319 | *33* | 321 | *66,7* | 372 | *38,6* |
| **Hoàn thành** | 568 | *59* | 296 | *56* | 576 | 60 | 645 | *67* | 643 | *33,3* | 592 | *61,4* |
| **Chưa hoàn thành** | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2.** | **Kết quả học sinh Tiểu học phát âm và viết đúng (sai)**  **hai phụ âm L-N** | | | | | | | | | | |
|  |  |  | **Cuối năm học 2024-2025** | | | | |  |  |  |  |
| **Khối lớp** | **TS lớp** | **Tổng số**  **HS** | **Số HS**  **phát âm đúng** | **Tỷ lệ** | **Số HS**  **phát âm sai** | **Tỷ lệ** | **Số HS**  **viết đúng** | **Tỷ lệ** | **Số HS**  **viết sai** | **Tỷ lệ** | **Ghi**  **chú** |
| 1 | 5 | 180 | 172 | 95% | 9 | 5% | 172 | 95% | 9 | 5% |  |
| 2 | 6 | 194 | 186 | 96% | 8 | 4% | 186 | 96% | 8 | 4% |  |
| 3 | 5 | 184 | 178 | 97% | 6 | 3% | 178 | 97% | 6 | 3% |  |
| 4 | 6 | 186 | 180 | 97% | 6 | 3% | 180 | 97% | 6 | 3% |  |
| 5 | 6 | 219 | 217 | 99% | 2 | 1% | 217 | 99% | 2 | 1% |  |
| **Cộng** | **28** | **963** | **933** | **96,9%** | **30** | **3,1%** | **933** | **96,9%** | **30** | **3,1%** |  |

**4. Bồi dưỡng học sinh nổi trội.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Danh hiệu Học sinh** | **Khối** | | | | | | | | | | | | | | **Tổng cộng** | |
| **Khối 1** | | | **Khối 2** | | | **Khối 3** | | | **Khối 4** | | **Khối 5** | |  | | |
| SL | % | SL | | % | SL | | % | SL | | % | SL | % | SL | | % |
| Olympic tiếng Anh lớp 5- huyện | 0 | 0 | 0 | | 0 | 0 | | 0 | 0 | | 0 | 5 | 2,3% | 5 | | 2,3% |
| Thể dục thể thao - Huyện | 0 | 0 | 0 | | 0 | 1 | | 0,5% | 2 | | 1% | 2 | 0,9% | 5 | | 0,8% |
| Giao lưu học sinh  Tiểu học - Huyện | 0 | 0 | 0 | | 0 | 0 | | 0 | 10 | | 5,3% | 10 | 4,6% | 20 | | 4,9% |
| Giao lưu viết chữ đẹp học sinh 1,2,3 | 10 | 5,5% | 12 | | 6,1% | 10 | | 5,4% | 0 | | 0 | 0 | 0 | 32 | | 5,7% |
| Đấu trường toán học | 10 | 5,5% | 10 | | 5,1% | 10 | | 5,4% | 10 | | 5,3% | 10 | 4,6% | 50 | | 5,2% |
| Olympic tiếng Anh lớp 5-T.Phố | 0 | 0 | 0 | | 0 | 0 | | 0 | 0 | | 0 | 0 | 0 | 0 | | 0 |
| Thể dục thể thao - TP | 0 | 0 | 0 | | 0 | 0 | | 0 | 0 | | 0 | 0 | 0 | 0 | | 0 |
| Đạt danh hiệu HS xuất sắc | 54 | 30% | 58 | | 30% | 55 | | 30% | 56 | | 30% | 66 | 30% | 289 | | 30% |
| Học sinh tiêu biểu | 54 | 30% | 58 | | 30% | 55 | | 30% | 56 | | 30% | 66 | 30% | 289 | | 30% |
| HS đạt cháu ngoan Bác Hồ. | 181 | 100% | 194 | | 100% | 184 | | 100% | 186 | | 100% | 219 | 100% | 963 | | 100% |
| Lớp tiên tiến | 5 | 100% | 6 | | 100% | 5 | | 100% | 6 | | 100% | 6 | 100% | 28 | | 100% |
| Lớp vở sạch chữ đẹp | 5 | 100% | 6 | | 100% | 5 | | 100% | 6 | | 100% | 6 | 100% | 28 | | 100% |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kết quả đánh giá Năng lực - Phẩm chất (%)** | | | | | |
| **Năng lực - Phẩm chất** | | | **Tốt** | **Đạt** | **CCG** |
| **Năng lực** | *Năng lực chung* | Tự chủ và tự học | 76,1 | 23,7 | 0,3 |
| Giao tiếp và hợp tác | 75,5 | 24,3 | 0,2 |
| Giải quyết vấn đề và sáng tạo | 51,1 | 48,6 | 0,3 |
| *Năng lực đặc thù* | Ngôn ngữ | 72,2 | 27,6 | 0,2 |
| Tính toán | 76,6 | 23,1 | 0,3 |
| Khoa học | 75,7 | 34,1 | 0,2 |
| Công nghệ | 84,3 | 15,7 | 0 |
| Tin học | 85,6 | 14,4 | 0 |
| Thẩm mĩ | 79,7 | 20,2 | 0,1 |
| Thể chất | 75,6 | 24,1 | 0,3 |
| **Phẩm chất** | | Yêu nước | 96,4 | 5,6 | 0 |
| Nhân ái | 90,2 | 9,8 | 0 |
| Chăm chỉ | 80,3 | 19,4 | 0,3 |
| Trung thực | 92,4 | 7,5 | 0,1 |
| Trách nhiệm | 76,6 | 23,3 | 0,1 |

- Số HS hoàn thành chương trình lớp học: 958 HS *(Đạt: 99,4%)*

- Số HS hoàn thành chương trình Tiểu học: 219 HS *(Đạt: 100%)*

- Số HS rèn luyện trong hè: 06 HS *(0,6%)*

-Số HS khuyết tật học hòa nhập: 10 HS

**IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRONG NĂM HỌC**

**1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục**

| **TT** | **Hoạt động giáo dục** | **Số tiết lớp 1** | | | **Số tiết lớp 2** | | | **Số tiết lớp 3** | | | **Số tiết lớp 4** | | | **Số tiết lớp 5** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng** | **HKI** | **HK**  **II** | **Tổng** | **HKI** | **HK**  **II** | **Tổng** | **HKI** | **HK**  **II** | **Tổng** | **HKI** | **HK**  **II** | **Tổng** | **HKI** | **HK**  **II** |
| **1. Môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Tiếng Việt | 420 | 216 | 204 | 350 | 180 | 170 | 245 | 126 | 119 | 245 | 126 | 119 | 245 | 126 | 119 |
| 2 | Toán | 105 | 54 | 51 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 |
| 3 | Đạo đức | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 |
| 4 | TN&XH | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |  |  |  |  |  |  |
| 5 | GDTC | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| 6 | Nghệ thuật (ÂN, MT) | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| 7 | HĐTN | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 |
| 8 | Tin học & Công nghệ |  |  |  |  |  |  | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| 9 | Ngoại ngữ |  |  |  |  |  |  | 140 | 72 | 68 | 140 | 72 | 68 | 140 | 72 | 68 |
| 10 | LS&ĐL |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| 11 | Khoa học |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2. Môn học tự chọn** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 12 | Tiếng Anh | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3. Hoạt động củng cố, tăng cường, làm quen, bổ trợ** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 13 | HĐ củng cố | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 | 140 | 72 | 68 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 32 |
| 14 | BDVH | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 |
| **Tổng** | | **210** | **108** | **102** | **210** | **108** | **102** | **245** | **126** | **119** | **175** | **90** | **85** | **175** | **90** | **85** |
| **Số tiết/tuần** | | **35 tiết** | | | **35 tiết** | | | **35 tiết** | | | **35 tiết** | | | **35 tiết** | | |
| **Số buổi học/tuần** | | **10 buổi** | | | **10 buổi** | | | **10 buổi** | | | **10 buổi** | | | **10 buổi** | | |

**2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học**

*2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học*

| **Tháng** | **Chủ điểm** | **Nội dung trọng tâm** | **Hình thức tổ chức** | **Thời gian thực hiện** | **Người thực hiện** | **Lực lượng cùng tham gia** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 9 | Truyền thống nhà trường | Xây dựng nội quy lớp, trường; Thực hiện tốt nội quy, quy định | Tại lớp | 6/9 - 29/9 | Học sinh | GVCN |
| 10 | Truyền thống nhà trường | Thi đua học tập tốt phát huy thành tích nhà trường | Tại lớp | 02/10 - 31/10 | Học sinh | GVCN |
| 11 | Yêu quý thầy cô giáo | Hội thi văn nghệ Chào mừng ngày 20/11 | Tập trung | 10/11-20/11 | Học sinh | Toàn trường |
| 12 | Yêu quý chú bộ đội | Hội thi “Thiếu nhi vui khỏe” | Tập trung | 15/12 - 22/12 | Học sinh | Toàn trường |
| 01 | Giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc | Hội chợ quê | Tập trung | 17/1 - 22/1 | Học sinh | Toàn trường |
| 02 | Giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc | GD văn hóa truyền thống: lịch sử địa phương, Thủ đô ngàn năm văn hiến | Tại lớp | 1/2 - 28/2 | Học sinh | GVCN |
| 3 | Yêu quý mẹ và cô | Tổ chức hoạt động trải nghiệm, giáo dục kĩ năng sống | Tại lớp | 1/3 - 29/3 | Học sinh | GVCN |
| 4 | Hòa bình hữu nghị | Ngày hội đọc sách | Tập trung | 10/4-15/4 | Học sinh | Toàn trường |
| 5 | Mừng sinh nhật Bác; Mừng Đội ta trưởng thành | Giáo dục STEM | CLB | 2/5 - 20/5 | Học sinh | Phụ trách CLB |

*2.2. Tổ chức các hoạt động cho học sinh sau giờ học chính khoá trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Hoạt động** | **Đối tượng/**  **quy mô** | **Thời gian** | **Địa điểm** | **Ghi chú** |
| 1 | Bán trú | Tổ chức ăn, ngủ | 30 học sinh/lớp | 11h00 - 13h45 từ thứ Hai 🡪 thứ Sáu | Lớp học |  |

**3. Khung thực hiện chương trình năm học 2024-2025 và kế hoạch các môn học, hoạt động giáo dục**

Thực hiện Quyết định số 4354/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội. Cụ thể đối với giáo dục tiểu học:

- Tựu trường sớm nhất trước 01 tuần so với khai giảng. Riêng đối với lớp 1, tựu trường sớm nhất trước 2 tuần so với ngày tổ chức khai giảng.

- Ngày khai giảng: ngày 05/9/2024 (Thứ Năm)

- Học kì I:

+ Ngày bắt đầu học kì I: ngày 09/9/2024 (Thứ Hai)

+ Ngày kết thúc học kì I: ngày 16/01/2025 (Thứ Năm)

+ Ngày nghỉ học kì I: ngày 17/01/2025 (Thứ Sáu)

- Học kì II:

+ Ngày bắt đầu học kì II: ngày 20/01/2025 (Thứ Hai)

+ Ngày kết thúc học kì II: ngày 29/5/2025 (Thứ Năm)

+ Ngày kết thúc năm học: ngày 30/5/2025 (Thứ Sáu)

- Lịch sinh hoạt chuyên môn 2 tuần 1 buổi/ tuần vào thứ Năm của tuần chẵn (đối với khối 1, 2, 3, 4, 5, tổ Bộ môn).

- Căn cứ vào các điều kiện thực tế thời gian trong năm học (các ngày nghỉ lễ theo quy định hoặc các ngày nghỉ vì lí do bất khả kháng nếu trùng vào các ngày học trong tuần sẽ được dạy bù theo thống nhất của tổ chuyên môn).

***Tại trường Tiểu học Bích Hòa, thời gian thực hiện chương trình năm học 2024-2025 cụ thể như sau:***

*3.1. Đối với khối lớp 1*

a. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/ tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (Phụ lục - Thời khóa biểu kèm theo) (PL 1.4)

b. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1

*(PL chi tiết kèm theo)*

*3.2. Đối với khối lớp 2*

a. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/ tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học (Phụ lục - Thời khóa biểu kèm theo)

b. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 2

*(PL chi tiết kèm theo)*

*3.3. Đối với khối lớp 3*

a. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/ tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học (Phụ lục - Thời khóa biểu kèm theo)

b. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 3

*(PL chi tiết kèm theo)*

*3.4. Đối với khối lớp 4*

a. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/ tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học (Phụ lục - Thời khóa biểu kèm theo)

b. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 4

*(PL chi tiết kèm theo)*

*3.5. Đối với lớp 5*

a. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/ tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học(Phụ lục - Thời khóa biểu kèm theo)

b. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 5

*(PL chi tiết kèm theo)*

## IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

### 1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Rà soát, sắp xếp đủ số phòng học, phòng chức năng cho năm học 2024-2025, bố trí đủ bàn ghế, tủ, đèn, quạt, bảng biểu, các đồ dùng thiết yếu cho các phòng học, phòng chức năng;

- Sửa chữa, thay thế thiết bị, hệ thống đèn, hành lang các khu nhà, lớp học, sân trường, phòng chức năng.

- Hoàn tất các thủ tục thanh lí CSVC hết khấu hao, mua mới bổ sung máy tính, ti vi, bàn ghế thay thế tài sản thanh lí.

- Trải thảm cỏ nhân tạo trước các đầu sảnh, hành lang để tránh bị trơn trược.

- Bổ sung thiết bị, sách truyện, sách tham khảo phục vụ giáo viên, học sinh cho thư viện.

- Trang bị phòng một số thiết bị, bàn ghế cho phòng khu hiệu bộ, phòng nghỉ giáo viên.

- Vẽ trang trí các phòng bộ môn, trang trí sảnh các dãy nhà A, B, C, D.

- Sửa chữa hệ thống loa đài, âm thanh;

- Ốp tranh, pano, khẩu hiệu trong nhà đa năng và các khu nhà vệ sinh.

- Sửa chữa, trang trí khu vực sân khấu làm khu trung tâm diễn ra các hoạt động giáo dục văn hóa của nhà trường;

- Treo các giàn hoa, chong chóng...tạo cảnh quan nhà trường ***sáng - xanh - sạch - đẹp - hấp dẫn***.

- Thay khoảng 80 mặt bàn ghế HS bị hư hỏng, bong tróc;

- Bảo trì, bảo dưỡng máy tính, trang thiết bị dạy học hiện đại ở các khối lớp;

- Mua gần 200 ghế nhựa cho HS khối lớp 1;

- Rà soát lại hệ thống điện trong nhà trường; hệ thống cửa ra vào các lớp thay bản lề, thay khóa để đảm bảo an toàn cho HS.

- Sắp xếp các khu nhà kho gọn gàng, khoa học.

- Gắn biển chức danh, tên tại các phòng làm việc.

- Rà soát sửa chữa, bảo trì hệ thống camera an ninh, hệ thống wifi các khu nhà trong toàn trường.

**2. Quan tâm bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lí**

* Tăng cường vai trò của Hiệu trưởng trong công tác quản trị trường học. Thực hiện tốt “3 công khai” và “4 kiểm tra”, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực theo chuẩn Hiệu trưởng, chuẩn Phó Hiệu trưởng;
* Tuyên truyền, bồi dưỡng, tập huấn cho CB-GV-NV về tư tưởng chính trị, đạo đức nhà giáo, kiến thức pháp luật, các qui định của ngành, chịu trách nhiệm trong việc xây dựng, thực hiện nề nếp, kỉ cương trường học;
* Thực hiện tốt việc đánh giá, xếp loại CB - VC hàng tháng;
* Thực hiện đánh giá giáo viên theo qui định về chuẩn nghề nghiệp, đây là cơ sở và căn cứ để giáo viên tự đánh giá bản thân từ đó có kế hoạch phấn đấu chuyên môn nghiệp vụ - đạo đức - nhân cách của mình. Triển khai công tác bồi dưỡng giáo viên theo chương trình bồi dưỡng thường xuyên;
* Tổ chức các lớp bồi dưỡng tập huấn nâng cao năng lực tổ chức dạy học cho đội ngũ GV về thực hiện Chương trình GDPT 2018, đặc biệt là đối với đội ngũ giáo viên dạy lớp 5 năm học 2024-2025. Tham gia đầy đủ và nghiêm túc các buổi tập huấn của Phòng GDĐT, sở GDĐT.
* Bồi dưỡng kĩ năng ứng dụng CNTT cho CB, GV, NV đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ chuyển đổi số.
* Nhà trường chủ động trong việc mời chuyên gia tập huấn cho giáo viên về chuyên môn, công tác chủ nhiệm, ứng dụng CNTT, các phần mềm hỗ trợ cho việc dạy học, tăng cường sử dụng trang thiết bị CNTT đẩy mạnh công tác chuyển đổi số; SKKN, kỹ năng giao tiếp, xây dựng trường học hạnh phúc, …;
* Phát huy năng lực đội ngũ giáo viên cốt cán trong công tác tự bồi dưỡng theo mô hình: “Giáo viên của giáo viên, học sinh của giáo viên”
* Xây dựng tập thể giáo viên thành một khối đoàn kết, phát huy hết khả năng của mỗi người; Tạo cơ hội để mỗi cán bộ, giáo viên được phát huy khả năng sáng tạo, đóng góp kinh nghiệm nâng cao chất lượng giáo dục;
* Nghiêm túc thực hiện Thông tư 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019 của Bộ GDĐT về “Quy định quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông” tới toàn thể cán bộ, giáo viên; Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 18/8/2020 của UBND thành phố Hà Nội về thực hiện Đề án “Xây dựng văn hoá ứng xử trong trường học giai đoạn 2020-2025”; giao lưu học tập, trao đổi kinh nghiệm quản trị trường học, công tác chuyên môn giữa các trường trong và ngoài quận nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, chất lượng giáo dục;
* Tham gia phong trào thi đua “Đổi mới sáng tạo trong dạy và học”, giải thưởng “Nhà giáo tâm huyết sáng tạo”. Xây dựng kế hoạch, chỉ đạo và tổ chức hiệu quả tham gia Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp Thành phố đạt kết quả cao; thành lập nhóm nhà giáo cùng nhau phát triển, triển khai mô hình “giáo viên của giáo viên”, “học sinh của giáo viên”. Giao lưu học tập, trao đổi công tác chuyên môn với các trường trong và ngoài quận, huyên nhằm tiếp cận vận dụng các phương pháp dạy học mới, hiện đại, tiên tiến trong nước và quốc tế, đáp ứng yêu cầu của Chương trình GDPT 2018;
* Tiếp tục rà soát trình độ đào tạo giáo viên đạt chuẩn theo quy định của Luật giáo dục 2019; khuyến khích CB-GV tham gia tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, phấn đấu hoàn thành tỉ lệ 100% giáo viên đạt chuẩn theo quy định tại Luật Giáo dục 2019 trong năm học 2024-2025;
* Bồi dưỡng và kết nạp 1 - 2 quần chúng vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

**3. Đổi mới hình thức, nội dung sinh hoạt chuyên môn nâng cao hiệu quả sinh hoạt chuyên môn**

* Thực hiện đúng quy định về việc sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn CV số 1315/BGDĐT-GDTH ra ngày 16/4/2020 và CV số 1855/SGDĐT-GDPT ngày 15/6/2020. Vận dụng linh hoạt, phù hợp điều kiện thực tế, chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua dự giờ, nghiên cứu nội dung bài học, trao đổi, tọa đàm, tập huấn với chuyên gia...
* Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và hướng dẫn giáo viên tham gia tổ, nhóm chuyên môn cùng xây dựng kế hoạch cá nhân, kịp thời giải quyết khó khăn về chuyên môn, nghiệp vụ khi thực hiện chương trình, SGK mới;
* Nâng cao chất lượng buổi sinh hoạt chuyên môn, tập trung vào các nội dung: Thống nhất kế hoạch thực hiện chương trình, thảo luận trao đổi bàn cách thực hiện giảng dạy những bài có nội dung khó, mới. Chia sẻ kinh nghiệm trong tổ chức dạy minh họa, đẩy mạnh chuyển đổi số trong dạy và học, thống nhất thực hiện chuyên đề và trao đổi kinh nghiệm trong giảng dạy, cách ứng dụng CNTT, kĩ thuật dạy học mới, tháo gỡ khó khăn về đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới các hoạt động đánh giá học sinh, các nội dung dạy học tích hợp.... Thực hiện thường xuyên việc bồi dưỡng chuyên môn cho GV thông qua các buổi sinh hoạt tổ, chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi nội dung đổi mới về phương pháp, hình thức, kĩ thuật dạy học mới…;
* Thực hiện linh hoạt công văn 1315/BGD về sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học cho phù hợp với thực tế nhà trường đối với tuần có tiết chuyên đề hoặc không có tiết chuyên đề.

**4. Xây dựng trường học điện tử, lớp học thông minh**

* Nâng cấp đường truyền Internet trong toàn trường; đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý và dạy học. Thường xuyên kiểm tra các camera theo dõi an ninh, an toàn trong nhà trường;
* Phát huy vai trò của tổ công nghệ thông tin trong việc hỗ trợ, hướng dẫn đồng nghiệp về các kĩ năng CNTT, sử dụng chữ kí số phục vụ việc dạy học, triển khai học bạ số từ khối 1 đến khối 5 theo hướng dẫn.
* Tiếp tục sử dụng mail nội bộ để chuyển các văn bản của các cấp và các nội dung khác tới toàn thể CB-GV-NV trong nhà trường thường xuyên;
* Triển khai sử dụng hệ thống quản lý hồ sơ điện tử tích hợp với CSDL để ứng dụng chữ kí số trong quản lý dạy học và kiểm tra hồ sơ chuyên môn.
* Khai thác hiệu quả các phần mềm: Quản lý CB-GV-NV; Tài chính, tài sản; Tuyển sinh trực tuyến và sử dụng hồ sơ điện tử; eNetViet…;
* Cài đặt SGK điện tử các môn học; phần mềm dạy học các môn;
* Tiếp tục duy trì, làm giàu học liệu trên thư viện điện tử, khai thác hiệu quả thư viện điện tử trong dạy và học.
* Triển khai việc tự đánh giá mức độ chuyển đổi số theo các tiêu chuẩn, tiêu chí quy định của Bộ GDĐT, duy trì đạt mức độ 3 trong công tác chuyển đổi số của nhà trường.
* Bổ sung thêm số lượng bài giảng điện tử, 06 bài giảng E-learning có chất lượng vào kho học liệu. Trong đó mỗi giáo viên nộp ít nhất 3 bài giảng điện tử và 1 bài giảng E-learning vào cuối kì I và cuối năm học. Các bài giảng được phân bổ đều ở tất cả các môn học và ở các khối lớp;
* Cập nhật kết quả học sinh trên phần mềm đảm bảo chính xác. Phân công BGH phụ trách các khối kiểm soát việc cập nhật kết quả trước khi đưa lên phần mềm. Rà soát học sinh chuyển đi, chuyển đến trên phần mềm, tránh bị làm sai;
* Phân công BGH, giáo viên Tin học và các đồng chí trong đội truyền thông quản trị trang Website của trường thường xuyên cập nhật và đăng bài.

**5.** **Tổ chức dạy học Tiếng Anh, Tin học và giáo dục kỹ năng công dân số**

- Đảm bảo đủ số lượng giáo viên dạy Tiếng Anh (03 giáo viên) đáp ứng chương trình GDPT 2018 ở khối 3; 4; 5.

- Lớp 3, lớp 4, lớp 5: Tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, Tin học bắt buộc theo quy định của Chương trình GDPT 2018 *(04 tiết Tiếng Anh/tuần, 01 tiết Tin học/tuần);*

- Thực hiện chương trình Tiếng Anh tự chọn khối 1, 2 (2 tiết/tuần).

- Tổ chức Olympic Tiếng Anh đối với học sinh lớp 5. Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện chương trình, kết quả giảng dạy của giáo viên dạy Tiếng Anh tự chọn trong nhà trường thông qua dự giờ, kiểm tra kế hoạch bài dạy, chất lượng học tập của học sinh;

- Triển khai thực hiện giáo dục kĩ năng công dân theo CV 3899/BGD ĐT-GDTH ngày 30/7/2024 về việc Hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục kĩ năng công dân số ở cấp Tiểu học.

- Nâng cao hiệu quả dạy học môn Tin học để thực hiện yêu cầu giáo dục Kĩ năng số cho HS.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn rà soát chương trình các môn học đối chiếu với khung năng lực số để thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số thông qua tổ chức dạy học các môn học/hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GDĐT để học sinh được tiếp cận, hình thành các kĩ năng học tập, nghiên cứu sáng tạo. Tổng hợp các địa chỉ tích hợp theo môn, hoạt động giáo dục thể hiện trong kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục của các tổ khối.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động có nội dung Tin học, đưa nội dung giáo dục kĩ năng công dân số vào giảng dạy thông qua dạy học môn Tin học.

- Rà soát, sửa chữa, mua bổ sung đồ dùng dạy học, đảm bảo đủ máy tính cho học sinh học tập tại phòng Tin học; Sắp xếp thêm 1 phòng tin học, trang bị đầy đủ máy tính, bàn ghế cho 2 phòng tin học.

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên dạy Tin học. Ban giám hiệu tăng cường dự giờ, rút kinh nghiệm giúp giáo viên giảng dạy có chất lượng và hiệu quả.

**6. Thực hiện hiệu quả dạy học nội dung giáo dục “Địa phương em” và tổ chức dạy học giáo dục địa phương theo Chương trình GDPT 2018**

- Chỉ đạo giảng dạy Tài liệu giáo dục địa phương đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 đã được phê duyệt. Triển khai thực hiện Tài liệu giáo dục địa phương đối với lớp 5 khi được phê duyệt; xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục của địa phương theo hình thức linh hoạt (tích hợp vào các môn học, hoạt động giáo dục hoặc dạy riêng từng bài theo thống nhất của tổ chuyên môn trong tiết GDDP) cùng một số nội dung trong kế hoạch giáo dục nhà trường theo hướng dẫn của Bộ GDĐT tại Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 với hình thức linh hoạt, phù hợp với đặc điểm tâm lý, trình độ phát triển nhận thức của học sinh theo từng khối lớp đảm bảo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các môn học, hoạt động giáo dục theo quy định, không gây áp lực, quá tải đối với học sinh;

- Tổ chức dạy học mạch nội dung giáo dục *“Địa phương em”* cần được thực hiện trước khi tổ chức dạy học các nội dung khác nhằm đảm bảo nguyên tắc xây dựng chương trình của môn học và được tổ chức đánh giá học sinh như các mạch nội dung khác trong Chương trình GDPT 2018 đối với môn Lịch sử và Địa lí lớp 4, 5, thực hiện theo hướng dẫn tại CV 5576/BGD ĐT-GDTH vv hướng dẫn biên soạn, thẩm định nội dung GD “Địa phương em” trong chương trình môn Lịch sử và Địa lí lớp 4, 5 cấp Tiểu học.

- Nhà trường tiếp tục triển khai dạy bộ tài liệu “*Giáo dục lịch sử truyền thống huyện Thanh Oai*”, các tổ khối lựa chọn nội dung dạy phù hợp với đối tượng học sinh và thời lượng mỗi tiết dạy.Tổ chức trao đổi chuyên đề trong sinh hoạt chuyên môn, khuyến khích giáo viên tham gia thi Giáo viên dạy giỏi về giảng dạy bộ tài liệu; giao lưu tìm hiểu truyền thống lịch sử huyện Thanh Oai;

- Tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm, tham quan thực tế, thăm đơn vị kết nghĩa, chăm sóc tượng đài Liệt sĩ xã Bích Hòa.... nhằm cung cấp cho học sinh những hiểu biết cơ bản về văn hoá, lịch sử truyền thống, các vấn đề về địa lí - kinh tế, chính trị - xã hội và môi trường của huyện Thanh Oai. Thông qua đó, hình thành và bồi dưỡng cho học sinh tình yêu quê hương, đất nước, có mong muốn tìm hiểu và biết vận dụng những điều đã học vào việc làm thực tế để góp phần bảo tồn những giá trị văn hoá của địa phương.

**7. Dạy học đối với học sinh khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn**

- Nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật, xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch giáo dục người khuyết tật theo Luật Người khuyết tật 2010 và các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục người khuyết tật. Bảo đảm các điều kiện để trẻ khuyết tật được tiếp cận với giáo dục, tăng cường giáo dục hòa nhập; tăng cường tuyên truyền trong đội ngũ CB, GV về vấn đề giáo dục hòa nhập, trong đó học sinh học hòa nhập được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân; tùy theo dạng tật, mức độ khuyết tật mà học sinh được miễn một phần, một số nội dung, một số môn học với mục tiêu giúp học sinh khuyết tật được tương tác cùng bạn bè, các em hòa nhập và yêu cuộc sống.

- Phối hợp hỗ trợ cho các em học sinh khuyết tật tại trường, giúp hỗ trợ và can thiệp sớm khi học sinh khuyết tật đang trong giai đoạn phát triển về những nội dung học tập và các kỹ năng xã hội để các em từng bước phấn đấu hòa nhập cộng đồng, tự tin bước vào cuộc sống.

- Tiếp tục hướng dẫn CMHS, phối hợp Ban chăm sóc Thanh thiếu niên xã Bích Hòa hoàn thiện hồ sơ cấp thẻ cho HS thuộc đối tượng khuyết tật đảm bảo quyền lợi cho các em (hiện tại nhà trường có 5 HS đã được cấp thẻ).

**8. Nâng cao hiệu quả phương pháp, hình thức, mô hình tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá**

*8.1. Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học*

- Thực hiện linh hoạt phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống;

- Triển khai dạy học theo phương pháp Bàn tay nặn bột; thực hiện dạy học Mĩ thuật theo phương pháp mới; vận dụng *“Sơ đồ tư duy”* vào tổ chức dạy học một số môn học phù hợp;

- Xây dựng kế hoạch giáo dục đảm bảo phân bố hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình;

- Cơ sở vật chất: đảm bảo tỷ lệ 01 phòng học/lớp, cơ sở vật chất, sĩ số học sinh/lớp theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học; có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định;

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; không để tình trạng *“học sinh ngồi nhầm lớp”;*

- Tổ chức đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá học sinh tiểu học; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học;

- Tích cực tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại các tổ chuyên môn trong trường và cụm trường; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ; nghiên cứu bài học theo hướng dẫn tại Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020; Công văn số 1855/SGDĐT-GDPT ngày 15/6/2020 của Sở GDĐT hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình GDPT cấp Tiểu học; tham khảo các bài giảng trên truyền hình, kho học liệu số dùng chung để nâng cao năng lực nghề nghiệp của giáo viên;

- Tập trung đổi mới phương pháp dạy - học trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức và kĩ năng các môn học, vận dụng linh hoạt, đảm bảo tính vừa sức phù hợp với trình độ và khả năng nhận thức của học sinh. Khuyến khích giáo viên vận dụng linh hoạt, sáng tạo các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực như dạy học theo dự án, bản đồ tư duy…; giảm yêu cầu học thuộc lòng, nhớ máy móc; coi trọng thực hành vận dụng, khuyến khích khả năng sáng tạo của học sinh để nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục;

- Đẩy mạnh giáo dục STEM; tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống hàng ngày;

- Đối với học sinh lớp 4, lớp 5, giáo viên hướng dẫn và rèn luyện cho học sinh kỹ năng ghi vở và khả năng tự học. Xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập kiểm tra đánh giá theo chuẩn kiến thức kỹ năng để giáo viên tham khảo, học sinh luyện tập và vận dụng sáng tạo các nội dung đã học;

- Giáo viên chủ động đề xuất các nội dung phương pháp tổ chức thực hiện để nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn;

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học nhằm nâng cao năng lực và phẩm chất học sinh: Tổ chức cho giáo viên dự giờ học tập đồng nghiệp, nhân rộng điển hình;

- Tham dự, học hỏi, vận dụng hiệu quả các chuyên đề cấp Thành phố, cấp huyện.

- Xây dựng và thực hiện tốt các chuyên đề. Năm học 2024-2025, tập trung tổ chức chuyên đề của khối lớp 5, lớp 4 trong học kì I và chuyên đề của khối lớp 1, 2, 3 trong học kì II.

+ Học kì I*:* ***Đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh và rèn một số kĩ năng cho học sinh*** qua các chuyên đề như: Phát triển năng lực ngôn ngữ của HS trong giờ học Tiếng Việt lớp 3; Phát triển năng lực tư duy của HS trong giờ học Toán lớp 3; Vận dụng kĩ thuật phòng tránh trong dạy học môn Công nghệ lớp 3; Rèn kĩ năng sống cho học sinh thông qua môn TN&XH lớp 2; Luyện kĩ năng làm việc nhóm cho học sinh trong tiết Đạo đức lớp 2; Ứng dụng CNTT trong dạy học toán lớp 2; Tích hợp nội dung giáo dục kĩ năng công dân số trong giờ học môn Tiếng Việt lớp 4; Phát triển năng lực điều chỉnh hành vi trong giờ học Đạo đức lớp 4; Phát triển năng lực tư duy trong giờ học Toán lớp 4; Sử dụng linh hoạt các hình thức dạy học trong tiết Toán lớp 5; Tích hợp liên môn trong giờ học đạo đức lớp 5; Ứng dụng CNTT trong tiết Khoa học lớp 5...

+ Học kì II:***Đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh, đưa hoạt động trải nghiệm vào môn học, tích hợp các môn học*** như chuyên đề: Phát triển năng lực giải quyết vấn đề thực tiễn trong dạy học TN&XH lớp 3; Lồng ghép, tích hợp GDQP an ninh và kĩ năng tìm kiếm, xử lí thông tin thông qua bài dạy Tiếng Việt lớp 2; Vận dụng một số kĩ thuật dạy học hiện đại nhằm phát huy năng lực giải quyết vấn đề cho HS trong tiết Lịch sử và Địa lí lớp 4; Triển khai hiệu quả việc thực hiện bài học kĩ năng sống cho hs lớp 5; Vận dụng một số kĩ thuật dạy học hiện đại nhằm phát huy năng lực tự học cho HS trong tiết LS&ĐL lớp 5; Lồng ghép, tích hợp NDGD năng lực công dân số trong tiết Tiếng Việt lớp 5; Phát triển tư duy logic cho hs thông qua 1 tiết Công nghệ lớp 5...

+ Thông qua dự chuyên đề để GV trao đổi rút kinh nghiệm; thống nhất nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp và hiệu quả với định hướng phát triển năng lực HS;

+ Các chuyên đề phải thể hiện rõ mục tiêu, đổi mới phương pháp và phát triển năng lực HS, phân hoá đối tượng HS;

+ BGH bố trí thời gian dự đủ chuyên đề các tổ để thống nhất và chỉ đạo kịp thời về chuyên môn; tạo điều kiện cho GV trẻ được trải nghiệm, để học hỏi kinh nghiệm, bồi dưỡng chuyên môn.

*8.2. Đa dạng hóa mô hình tổ chức dạy học*

- Nhà trường tổ chức cho giáo viên tham gia các lớp tập huấn Ứng dụng CNTT trong giảng dạy, sử dụng các phần mềm dạy học, thực hiện các giải pháp CNTT để xây dựng mô hình lớp học thông minh;

- Triển khai dạy học tích hợp các nội dung giáo dục linh hoạt theo các hình thức tổ chức phù hợp với điều kiện thực tế. Khuyến khích đưa vào kế hoạch giáo dục nhà trường những nội dung giáo dục tiên tiến theo các mô hình giáo dục hiện đại phù hợp với thực tế;

- Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học, gắn giáo dục nhà trường với thực tiễn cuộc sống. Tăng cường tổ chức các hoạt động học tập ngoài lớp học phù hợp với nội dung các môn học, hoạt động giáo dục và phù hợp với thực tiễn.

- Thực hiện dạy học gắn kết giữa lí thuyết với thực hành; tăng cường các hoạt động trải nghiệm, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống hàng ngày của học sinh. Lồng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, nhân cách; giáo dục quốc phòng và an ninh, chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo,...

- Xây dựng và quản lý tốt môi trường giáo dục thân thiện, lành mạnh, dân chủ, an toàn, chất lượng và bình đẳng. Chuyển mạnh các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa sang hướng tổ chức hoạt động trải nghiệm; tập trung vào các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống. Tổ chức tốt công tác tư vấn tâm lý cho học sinh; xây dựng trường học hạnh phúcvới 03 tiêu chí: yêu thương, an toàn và tôn trọng. Phát triển bài võ cổ truyền Việt Nam; bồi dưỡng, phát triển hạt nhân có năng khiếu về lĩnh vực nghệ thuật truyền thống; tham gia giải Bóng đá Thiếu niên huyện Thanh Oai. Tổ chức và quản lý các câu lạc bộ rèn luyện kỹ năng sống, các CLB năng khiếu, TDTT… trên tinh thần tự nguyện tham gia của học sinh và CMHS.

*8.3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá*

- Thực hiện nghiêm túc việc nhận xét, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh từ khối 1 đến khối 5 theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT;

- Thực hiện nghiêm túc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học, kiên quyết không để học sinh *“ngồi nhầm lớp”*; khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh khen tràn lan gây bức xúc cho CMHS và dư luận xã hội;

- Biên soạn đề kiểm tra định kỳ cho các môn học theo Chương trình GDPT 2018; tổ chức kiểm tra định kỳ đối với môn Tiếng Anh, Tin học, Công nghệ theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT;

- Môn Tin học và Công nghệ: GV Tin học và GV cơ bản cùng tham gia đánh giá chung (GV cơ bản chịu trách nhiệm ghi và đánh giá của môn Tin học và Công nghệ);

- Quan tâm chất lượng giáo dục đại trà, thực hiện nghiêm túc việc khảo sát học sinh lớp 5 các môn Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh *(không lấy kết quả khảo sát làm căn cứ đánh giá, xếp loại học sinh)* do Phòng giáo dục tổ chức, thông tin tới CMHS về mục đích, ý nghĩa của kì khảo sát; Thông qua kết quả khảo sát, Ban giám hiệu chỉ đạo giáo viên tăng cường giải pháp bồi dưỡng chuyên môn để nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

- Tập trung đổi mới hình thức dạy buổi thứ hai phù hợp với nhu cầu của học sinh. Chú ý các nội dung thực hành kiến thức đã học; giúp đỡ học sinh chưa hoàn thành, vươn lên hoàn thành yêu cầu học tập, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu. Khuyến khích học sinh tính tích cực, chủ động, tự giác, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, **tuyệt đối không giao bài tập về nhà với học sinh**, **không dạy thêm và tổ chức dạy thêm đối với học sinh tiểu học. 100% giáo viên ký cam kết với nhà trường không vi phạm việc tổ chức dạy thêm, học thêm.**

- Tổ chức các hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày theo nhu cầu, sở thích của học sinh trong khoảng thời gian từ sau giờ học chính thức cho đến thời điểm được CMHS đón về nhà. Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa, các câu lạc bộ giáo dục kỹ năng sống, stem, thể dục thể thao, mỹ thuật sáng tạo, robotic, hát múa, nhạc cụ, trò chơi dân gian, giới thiệu sách… hoặc sử dụng cơ sở vật chất của nhà trường *(thư viện mở, sân chơi, bãi tập,…)* tạo điều kiện để học sinh vui chơi, giải trí.

- Dự giờ, thăm lớp, kiểm tra thường xuyên, đột xuất chất lượng hoạt động dạy và học của giáo viên, học sinh quan tâm chất lượng các tiết dạy tăng cường, bổ trợ, hướng dẫn học ở buổi học thứ hai.

- Tiếp tục tăng cường các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, phát triển đội ngũ giáo viên, đẩy mạnh xã hội hóa để đảm bảo các điều kiện chuẩn bị cho việc triển khai chương trình, sách giáo khoa theo CTGDPT 2018; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; khắc phục triệt để tình trạng *“học sinh ngồi nhầm lớp".*

**9. Tổ chức, tham gia các cuộc thi**

- Tổ chức Hội thi Giáo viên dạy giỏi, chủ nhiệm giỏi cấp trường theo tinh thần dạy đủ môn và ở các khối lớp theo Thông tư số 02/TT-BGDĐT ngày 20/02/2019 về việc ban hành Quy định về Hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi cơ sở giáo dục phổ thông. Tham gia cấp huyện:

+ Đăng ký thi Giáo viên dạy giỏi khối lớp sẽ tham gia thi cấp huyện (theo CV của PGDĐT) dự kiến: tháng 11/2024)

- Thi thiết kế bài giảng E-learning cấp trường

- Tổ chức các hội thi cấp trường khác theo công văn, hướng dẫn của PGD

- Tổ chức cho HS tham gia các cuộc thi do Phòng GDĐT, các đơn vị tổ chức: Olympic Tiếng Anh lớp 5, Đấu trường VioEdu, sân chơi Kĩ năng sống...

- Tích cực tham gia các cuộc thi do Bộ GDĐT, Thành phố, Sở GDĐT, phòng GDĐT, Công đoàn Giáo dục tổ chức, phát động.

# V. PHÂN CÔNG CÔNG VIỆC VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

### 1. Hiệu trưởng

Đ/c Phùng Thị Thanh: Phụ trách chung; Công tác tổ chức; Thi đua - khen thưởng, kỉ luật; Tài chính; Trưởng ban công tác kiểm tra nội bộ; Chủ tịch Hội đồng trường; Trưởng Ban chỉ đạo các cuộc vận động; Công tác tiếp dân; Phân công dạy bù.

**2. Phó Hiệu trưởng**

*\*. Đ/c Bùi Thị Vân Anh*

Phụ trách các mảng: Phụ trách khối 2, 3, Công tác chuyên môn; Kiểm tra hoạt động sư phạm; Công tác khuyến học; Công tác truyền thông chuyển đổi số; Phụ trách trang website, duyệt tin bài của nhà trường; công tác kiểm tra nội bộ; Công tác lao động, vệ sinh. Công tác Y tế, Chữ thập đỏ. Phong trào Người tốt-việc tốt, chịu trách nhiệm thực hiện Kế hoạch phát triển GD&ĐT của huyện, của nhà trường giai đoạn 2020-2025 với các mặt hoạt động thuộc thuộc nội dung được phân công; Phân công dạy bù.

**3. Tổng phụ trách Đội**

- Kết hợp với Phó Hiệu trưởng và các bộ phận xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

- Phối hợp với chi đoàn, GVCN, tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, sinh hoạt tập thể toàn trường.

- Thành lập các ban của Liên đội để thức đẩy mọi hoạt động của nhà trường.

- Xây dựng tiêu chí thi đua của Liên đội.

## 4. Giáo viên, nhân viên

* Hoàn thành nhiệm vụ được giao theo từng thời gian quy định. Thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn của Sở, của Phòng và của nhà trường.
* Nghiêm chỉnh chấp hành các nội quy, quy chế làm việc của nhà trường; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện đúng các quy định về nghĩa vụ, đạo đức, tuân thủ pháp luật.
* Chủ động, tích cực tham gia vào phong trào thi đua. Giảng dạy, giáo dục học sinh đạt hiệu quả cao.
* Gương mẫu về đạo đức cho học sinh noi theo. Tích cực nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ lí luận chính trị, ngoại ngữ, công tác chủ nhiệm, tin học...

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường của trường Tiểu học Bích Hòa năm học 2024-2025. Đề nghị các tổ chuyên môn triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các bộ phận chủ động báo cáo Hiệu trưởng để được hướng dẫn, điều chỉnh, bổ sung kịp thời./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***\* Nơi nhận:***  - Phòng GD&ĐT (để báo cáo);  - Phó Hiệu trưởng (để thực hiện);  - Các tổ chuyên môn (để thực hiện);  - Lưu: VT (Phương 02) | **HIỆU TRƯỞNG**  **Phùng Thị Thanh** |

**Ý KIẾN PHÊ DUYỆT CỦA PHÒNG GD&ĐT HUYỆN THANH OAI**